

Số: /TBHH-CVHHTPHCM Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
**Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Cầu cảng số 1,
số 2 và số 3 thuộc Bến Cảng Tân Cảng Hiệp Phước**

Vùng biển: Vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Soài Rạp.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 và Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;

Xét văn bản số 855/ĐN-TCHP ngày 15/7/2026 của Công ty cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước đề nghị công bố thông báo hàng hải đối với độ sâu khu nước trước Cầu cảng số 1, số 2 và số 3 thuộc Bến Cảng Tân Cảng Hiệp Phước;

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Bến Cảng Tân Cảng Hiệp Phước như sau:

1. Phạm vi khảo sát khu nước trước Cầu cảng số 1

- Khu vực số 1: khu nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B2	10°38'52,26"N	106°44'41,16"E	10°38'48,59"N	106°44'47,58"E
B3	10°38'51,69"N	106°44'39,15"E	10°38'48,02"N	106°44'45,58"E
B4	10°38'55,26"N	106°44'35,41"E	10°38'51,59"N	106°44'41,84"E
B4'	10°38'55,83"N	106°44'37,42"E	10°38'52,16"N	106°44'43,84"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 6,20m trở lên.

- Khu vực số 2: khu nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B4	10°38'55,26"N	106°44'35,41"E	10°38'51,59"N	106°44'41,84"E
B5	10°39'01,18"N	106°44'29,21"E	10°38'57,52"N	106°44'35,63"E
B6	10°39'03,19"N	106°44'29,71"E	10°38'59,52"N	106°44'36,14"E

B4'	10°38'55,83"N	106°44'37,42"E	10°38'52,16"N	106°44'43,84"E
-----	---------------	----------------	---------------	----------------

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 6,07m trở lên.

- Khu vực số 3: khu nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B4'	10°38'55,83"N	106°44'37,42"E	10°38'52,16"N	106°44'43,84"E
B6	10°39'03,19"N	106°44'29,71"E	10°38'59,52"N	106°44'36,14"E
B7	10°39'09,07"N	106°44'31,19"E	10°39'05,40"N	106°44'37,62"E
B4"	10°38'57,75"N	106°44'44,19"E	10°38'54,08"N	106°44'50,61"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 6,31m trở lên.

- Khu vực số 4: khu nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B1	10°38'54,26"N	106°44'48,20"E	10°38'50,59"N	106°44'54,62"E
B2	10°38'52,26"N	106°44'41,16"E	10°38'48,59"N	106°44'47,58"E
B4'	10°38'55,83"N	106°44'37,42"E	10°38'52,16"N	106°44'43,84"E
B4"	10°38'57,75"N	106°44'44,19"E	10°38'54,08"N	106°44'50,61"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 6,05m trở lên.

2. Phạm vi khảo sát khu nước trước cảng Cầu cảng số 2 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
S4	10°38'47,23"N	106°44'36,07"E	10°38'43,56"N	106°44'42,50"E
S5	10°38'46,96"N	106°44'35,78"E	10°38'43,29"N	106°44'42,20"E
S6	10°38'46,23"N	106°44'35,95"E	10°38'42,56"N	106°44'42,37"E
S7	10°38'45,59"N	106°44'36,10"E	10°38'41,92"N	106°44'42,52"E
S8	10°38'50,24"N	106°44'41,15"E	10°38'46,57"N	106°44'47,57"E
S9	10°38'50,65"N	106°44'39,79"E	10°38'46,98"N	106°44'46,21"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 1,97m trở lên.

3. Phạm vi khảo sát khu nước trước cảng Cầu cảng số 3 được giới hạn bởi các điểm có toạ độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
S1	10°38'42,52"N	106°44'31,92"E	10°38'38,86"N	106°44'38,35"E
S2	10°38'43,56"N	106°44'31,68"E	10°38'39,90"N	106°44'38,11"E
S3	10°38'47,32"N	106°44'35,76"E	10°38'43,65"N	106°44'42,19"E
S4	10°38'47,23"N	106°44'36,07"E	10°38'43,56"N	106°44'42,50"E
S5	10°38'46,96"N	106°44'35,78"E	10°38'43,29"N	106°44'42,20"E
S6	10°38'46,23"N	106°44'35,95"E	10°38'42,56"N	106°44'42,37"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 1,17m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tổ chức, cá nhân và tàu thuyền căn cứ Thông báo hàng hải, Bình đồ độ sâu để xem xét để bảo đảm an toàn khai thác cảng.

Ghi chú:

- Bản dịch tiếng Anh của Thông báo hàng hải nêu trên và dữ liệu độ sâu (căn cứ Bình đồ độ sâu ký hiệu bản vẽ BV_BVHP-BĐ-01 và BV_BVHP-BĐ-02 do Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thiên Bảo hoàn thành tháng 7/2026) đề nghị tham chiếu, truy cập theo đường dẫn <https://byvn.net/2kua> hoặc mã QR đính kèm.

- Trường hợp có yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ Công ty cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước (đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đã cung cấp phục vụ công bố Thông báo hàng hải) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- Ủy ban Thủy đặc Việt Nam;
- Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử hàng hải VN;
- Cty cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước;
- Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thiên Bảo;
- Các chủ tàu, đại lý tàu biển;
- Các cơ quan, doanh nghiệp liên quan;
- Website Cảng vụ Hàng hải Tp. HCM;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Thức



- Các Phòng nghiệp vụ, Đại diện trực thuộc;
- Lưu: VT, QLKCHT.